

VỀ MỘT LỄ THỨC TRONG LỄ HỘI ĐÌNH NHẬT TÂN

(Phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội)

VÕ THỊ HOÀNG LAN*

Đình Nhật Tân xưa còn có tên là điện Nhật Chiêu, thờ Uy Linh Lang, hiện nay trong đình còn lưu truyền hai truyền thuyết về ngài: "Thời Hồng Bàng bà phi của Diệu Đế là Lạc phu nhân khi sinh Uy Linh Lang thấy một bọ bẩy trứng, lấy làm lạ, bỏ lại đó. Sau bẩy trứng hóa thành bẩy con rồng bay lên trời. Phu nhân nghe tin cho trồng bẩy cây gạo để ghi lại dấu tích. Sắc phong vương tước, gia tặng hai chữ Uy Linh và lập miếu thờ. Bẩy cây gạo ở góc phía Tây hồ Tây thuộc địa giới làng Nhật Chiêu".

Cũng theo thần tích, ngài giáng sinh vào đời Trần, như sau: "Vương vốn là chính phái họ Hồng Bàng, là tông thứ hai của Bách Việt. Xưa Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, con gái của Đế Lai sinh ra 100 con trai, rồi chia làm đôi để làm chủ núi sông trông coi muôn dân. Đại vương là giống Rồng, trưởng Xích Giáp, hiệu Uy Linh Lang, cùng với 6 em là Bạch Giáp, Hoàng Giáp, Hắc Giáp, Thanh Giáp, Chu Giáp, và Tử Giáp thụ phong ở đây. Về sau tỏ rõ anh linh làm cho dân mạnh của nhiều, được gia phong. Đến thời Trần Thánh Tông, bà chính cung Minh Đức hoàng hậu tuổi đã ngoài 30 mà vẫn chưa có con, thường đến các đền cầu tự. Lại thích phong cảnh vực Ngư, một buổi đi chơi,

đang nghỉ trưa, thấy một người mặt đẹp như ngọc, môi đỏ như son, đầu vấn khăn, khoác cẩm bào đến bái lạy nói: Tôi là Uy Linh Lang, lâu nay làm vương đất này. Nay thấy Thánh giá ngự lâm, ban cho rất hậu, không có gì để báo đáp. Hôm qua tâu lên Thiên đình được ban chỉ hạ giáng trần gian. Bỗng nhiên bà tỉnh dậy cảm thấy thụ thai. Vào giờ Tỵ ngày 2 tháng 2 năm Tân Sửu thì sinh ra một cái bọ. Hoàng hậu cho đó là điềm không lành nên bí mật cho người bỏ vào cái thúng đem vứt ra đường. Kể qua người lại, thấy lạ kỳ chỉ dám đứng xa mà nhìn, chứ không dám lại gần. Đến khi mặt trời lên cao 3 con sào, bỗng nghe tiếng nổ như sấm. Mọi người trong làng đổ ra xem thì chiếc bọ kia đã vỡ, một cậu con trai nằm ngửa trong cái sọt, tiếng khóc nghe như tiếng chuông. Vậy là tiếng đồn âm ỉ lọt vào cung đình. Hoàng hậu lấy làm lạ sai cung nữ ra xem sao. Cung nữ ngấm ra ngoài xem xét thì thấy cậu bé dáng mạo thanh tú, oai phong lẫm liệt, thông minh đỉnh ngộ, liền vội trở về tâu với vua. Vua cười nói: xưa Cao Tân có Nguyên phi là Nguyên Khương sinh ra con là Hậu Tắc, sự việc cũng đại loại như thế này. Việc này cũng có gì là lạ. Thế rồi sai người đem về nuôi dưỡng. Năm tháng sau cậu biết nói, đầy một năm sau biết đi. Dáng đi, đứng, ngồi hết như người lớn. Vì vậy, vua và hoàng hậu rất yêu quý, đặt tên là Uy Linh Lang. Đến

khi lớn, bác học thông minh, tài cao đức trọng, xa gần đều khen. Năm 20 tuổi, ông thích ngao du và nhiều lần dâng biểu xin đi tu. Vua và hoàng hậu đều không đồng ý. Ông bèn hóa trang trốn đến Nam Xương, tức ấp Vũ Điện nhà Triệu Lăng Khang, thụ giáo pháp. Mới có mấy tháng mà các sách của nhà Phật đều đã hiểu cả. Do vậy, trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, cứu lưu tam giáo không có gì không tinh thông. Đặc biệt giỏi kệ từ, số thuyết. Sa môn, tăng chúng đều kính phục vì sự cao siêu của ông. Vua và hoàng hậu biết được rất khen, sai sứ triệu về ban cho ngôi nhà ở ngoại thành phía Nam, tức điểm Bình Thọ, nay thuộc huyện Yên Thọ, cho lương hàng tháng để dưỡng nhàn.

Hơn 20 năm sau, đến thời Trần Nhân Tông tướng giặc là Toa Đô đem 40 vạn quân chia làm hai đường thủy bộ tiến vào cướp nước ta. Người trong nước xôn xao lo sợ. Bỗng ông nói: "Người ta sinh ra giữa cõi trời đất thì phải làm bậc anh hùng lỗi lạc, tỏ rõ chí đại trượng phu, phải ở nơi chiến trường khói lửa, chứ lẽ đâu lại ru rú ở nhà sống cho qua ngày đoạn tháng thì hỏi lấy gì lưu trong sử sách để cho hậu thế?". Ông bèn dâng biểu bày tỏ kế sách dẹp giặc, tự xin đem gia binh đi đánh giặc. Vua khen ông có chí lớn và đồng ý. Ông liền tập hợp môn hạ, chiêu tập quân sĩ dưới cờ hơn vạn người, chia ra đội ngũ luyện tập cách đánh trận. Ông gọi đội quân của mình là Thiên tử quân, tiến đánh quân Nguyên ở Bàn Than. Quân giặc thua to, quân ta thừa thắng đuổi chúng lên phía Bắc, đánh chúng ở sông Đông Mai, hội quân với quân của Trần Nhật Duật, Trần Hưng Đạo ở Vạn Kiếp để đợi lệnh. Quân Thiên tử đánh giặc ở Vạn Trù, nhổ trại giặc ở Đông Kết. Một ngày đánh tám trận thắng cả tám, chém đầu ba vạn tên giặc, bắt tướng giặc là Ô Mã Nhi... và rất nhiều quân lính. Từ đấy về sau, quân Nguyên không dám đem quân sang xâm lược nữa, đất nước trở lại thanh bình. Sau xét công dẹp giặc, gia phong là Dâm Đàm đại vương (đại vương họ Tây).

Lúc đó ông 36 tuổi, vào giờ Ngọ ngày 8 tháng 8 năm Bính Tý, ông không bệnh mà qua đời. Vua và hoàng hậu thương xót lắm, lập tức xây ngôi đền ở chỗ ông qua đời để thờ gọi là điện Nhật Chiêu, hay còn gọi là Linh Bảo điện,

Võ Thị Hoàng Lan: Về một lễ thức trong lễ hội...

hoặc đền thánh Uy Linh Lang, sắc phong là Hiển Minh Đức.

Đến thời Trần Nghệ Tông, ông lại ngầm giúp khúc đề Yên Hoa khỏi vỡ, nên gia phong mỹ tự là Dục Chính Hiển ứng Phu hưu đại vương. Sáu người em cũng được phong: Bạch Giáp là Chu Ma đại vương, Hoàng Giáp là Minh Khiết đại vương, Hắc Giáp phong là Hoàng Liệt đại vương, Thanh Giáp là Đông Nga đại vương, Chu Giáp là Phương Ba đại vương, Tử Giáp là Đông Đầu đại vương, cùng được phụng thờ. Đến nay linh thiêng càng tỏ rõ, các triều đều có phong tặng. Đền của đại vương ở huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên. Quảng Đức đổi lại là huyện Vĩnh Thuận, phường Yên Hoa, sau đổi là phường Yên Phụ. Xứ Thị Liên trại Thủ Lệ cũng có đền phụng thờ, Lưu Phái, Thanh Trì cũng có đền phụng thờ².

Qua cả hai bản thần tích này, có thể thấy rằng, dấu vết thủy thần của Uy Linh Lang là khá rõ nét và việc phụng thờ ngài ở Nhật Tân chính là sự phụng thờ thủy thần của cư dân vùng ven sông nước, cụ thể hơn thì đó là sự phụng thờ một thần linh trị thủy. Theo thần tích thì ngài là thần hồ Tây (Dâm Đàm đại vương), đồng thời cũng là một vị thần hộ đê (đến thời Trần Nghệ Tông, ông lại ngầm giúp khúc đề Yên Hoa khỏi vỡ...) của cả khu vực này, khúc đề Yên Hoa chính là đê Yên Phụ ngày nay. Nhật Tân nằm trong khu vực đất cao (từ quá Chèm xuôi theo dòng sông Hồng xuống gần Yên Phụ), nó như nằm trên đỉnh của một sóng đất/gờ đất cao ven sông nên lẽ ra nó không phải chịu ảnh hưởng của lũ lụt. Nhưng do sông Hồng khi chạy về tới khu vực này lại có một khúc uốn, khúc uốn này đã làm cho dòng chảy không đổ được vào hồ Tây mà lại "xộc" thẳng vào đê, nên đến mùa nước to thì nguy cơ vỡ đê là một thực tế mà người dân ở đây từ bao đời phải đối diện. Có lẽ xuất phát từ thực tế này, mà người dân Nhật Tân và người dân ở khu vực lân cận cùng nằm trong sự "che chở" của đê Yên Phụ (như Yên Phụ, Quảng Bá, Tây Hồ, Thụy Khuê...), đã thờ Uy Linh Lang, mong nhận được sự bảo vệ của ngài trong những mùa nước sông Hồng lên cao.

Đình Nhật Tân như hiện nay là ngôi đình đã

được phục dựng mới hoàn toàn, bởi ngôi đình cổ đã bị giặc Pháp đốt từ năm 1947 nên không còn dấu tích gì, cái còn lại có lẽ chỉ là nền đất xưa. Tuy các bản thân tích đều gọi đình Nhật Tân là đền, và việc thực hành các lễ thức như hiện nay chúng tôi thấy, cũng khiến cho ngôi đình có dáng vẻ của một ngôi đền nhiều hơn (như việc mở cửa để người dân đến lễ vào các ngày sóc, vọng trong tháng, hay việc số lượng người đến lễ chủ yếu là phụ nữ...). Nhưng giờ đây người Nhật Tân vẫn cho rằng, kiến trúc này chính là một ngôi đình thờ Thành hoàng làng của họ.

Các thần linh đang được thờ trong đình nhắc chúng ta về cả hai kiếp đời của đức thánh: hậu cung đình thờ Uy Linh Lang (hay còn gọi là đức thánh Cả) trong tư cách là Thành hoàng làng, cùng 6 người em của ngài. Đây chính là sự thể hiện về kiếp đời thứ nhất của đức thánh, từ thời Hồng Bàng. Đình trung thờ chính cung Minh Đức hoàng hậu, bà thường được người dân gọi một cách tôn kính là mẫu, người phụ nữ đã giúp đức thánh đầu thai để giáng trần ở kiếp đời thứ hai. Cả 8 vị thần đều được thờ bằng ngai và bài vị chứ không có tượng. Trong sự hiểu biết của chúng tôi, hiện tượng thờ phụng như ở đình Nhật Tân không phải là phổ biến trong thần điện dân gian của người Việt. Bởi ở các nơi khác và với các vị thần khác, cho dù vị đó có nhiều lần giáng trần thì mỗi địa điểm thờ phụng chỉ gắn với một lần giáng trần của ngài mà thôi, tức là mỗi nơi thờ sẽ chỉ gắn với một kiếp đời hay một lần hiển thánh của chính vị thần đó. Còn ở đình Nhật Tân, các vị thần linh được thờ chung, đã cho chúng ta thấy cả hai kiếp đời của ngài, cho dù hai kiếp đời đó cách nhau rất xa. Có lẽ người xưa muốn để lại một lời "nhắc nhở" nào đó thông qua hình thức thờ phụng khá đặc biệt này, nhưng nay chúng ta vẫn chưa "giải mã" được điều đó.

Hiện tại đình Nhật Tân nằm ở phía trong chân đê sông Hồng, quay về hướng Nam ngả Đông. Theo các cụ cao niên trong vùng, trước đây đình không theo hướng như hiện nay, nguyên thủy đình có hướng nhìn vào làng, quay lưng ra sông. Với hướng này, làng hay bị cháy nên phải quay đình theo hướng ngược lại là

nhìn ra sông Hồng, nhưng cũng chưa yên: thuyền bè qua đoạn sông trước cửa đình khi ấy hay gặp nạn, cuối cùng làng phải xoay lại hướng đình như chúng ta thấy hiện nay, gần như song song với dòng chảy sông Hồng. Gạt bỏ những chi tiết mang màu sắc huyền thoại, chúng ta có thể phỏng đoán rằng, ngôi đình hay đền như trong nhiều bản thân phá đã ghi như một hình ảnh tượng trưng cho số phận của vùng đất này, đã phải chịu sự chi phối rất nhiều của dòng chảy sông Hồng. Có thể từ trước khi có đê sông Hồng, người ta đã định cư ở đây và quá trình vật lộn với dòng chảy của sông Hồng (vào mùa lũ hay những khi sông đổi dòng) để bảo tồn được mảnh đất này đã được phản ánh qua những lần xoay hướng đình (?). Hướng được người dân lựa chọn, là hướng mà theo họ là yên ổn nhất, chính là hướng xuôi theo dòng chảy sông Hồng, phải chăng đó cũng chính là ước vọng của họ đối với dòng sông: luôn chảy xuôi để mang phù sa từ thượng nguồn về bồi đắp cho những vùng bãi bồi màu mỡ ven sông (trước đây nghề chính của người Nhật Tân là trồng dâu-ở đất bãi sông Hồng-nuôi tằm ương tơ), luôn chảy xuôi để con người không phải chịu tai ương từ lũ lụt...? Những ước vọng này cũng được phản ánh ở những lễ thức luôn được người dân thực hiện với một lòng thành kính, trong lễ hội tôn vinh nhà thánh.

Trước năm 1945, lễ hội đình Nhật Tân diễn ra từ ngày mồng 2 đến ngày mồng 10 tháng 2 Âm lịch. Trong đó, chính hội là các ngày mồng 8, 9 và mồng 10. Ngoài những nghi thức cúng tế, rước... như vẫn thường gặp ở các hội làng khác, ở Nhật Tân còn có một lễ thức mà chúng tôi cho là khá đặc biệt, đó là lễ "phóng noãn" được thực hiện vào đêm mồng 9. Để tiến hành lễ thức này, trước hết người ta phải chuẩn bị 7 quả trứng gà để tiến thánh (tức 7 anh em Uy Linh Lang), khoảng 11 giờ đêm mồng 9, bà đồng mới vào hậu cung xin ngài, rồi rước trứng ra sông Hồng trên một chiếc khay có phủ vải đỏ, đoàn rước tuy ít người nhưng phải đủ cờ, trống, chiêng... Tại bến Nhật Tân đã có một chiếc thuyền khá lớn đợi sẵn, đoàn rước lên thuyền và đi khoảng 3 con sào thì đến chỗ giữa sông, nơi có hai ngọn nước đấu nhau, còn gọi

Võ Thị Hoàng Lan: Về một lễ thức trong lễ hội...

là "hầu gà" (là đoạn sông phân nhánh: một nhánh chảy về Nhật Tân, một nhánh chảy sang Tứ Liên), lúc đó bà đồng sẽ vừa niệm chú vừa lần lượt thả 7 quả trứng xuống sông, sau khi thả xong, thuyền quay về bến, đoàn rước lên đình lễ thánh. Ngày mồng 10 đoàn rước nước sẽ phải ra đúng địa điểm đã phóng noãn để làm lễ xin nước, rồi múc nước ở đó mang về thờ. Từ lễ phóng noãn này, chúng tôi thấy có một số điểm cần phải lưu ý, như sau:

- Về đồ lễ (7 quả trứng): theo giải thích của người dân Nhật Tân thì 7 quả trứng vừa tượng cho Uy Linh Lang và 6 thần em (chính là 7 ông xà), vừa để cúng các ngài. Nhưng chúng tôi cho rằng, vấn đề không chỉ như vậy. Trước hết, 7 quả trứng đã gợi cho chúng ta nhớ đến nguồn gốc thủy thần, mà cụ thể là rắn, của 7 anh em đức thánh (sinh ra trong một bọc trứng). Tiếp theo, quả trứng là một lễ vật rất gần gũi, hay đúng hơn là nhiều khi đã được đồng nhất với noãn, là mầm của sự sinh sôi. GS. Từ Chi đã chỉ ra rằng, trứng là gốc/hình tượng của linh hồn, cũng là nơi để tụ hồn (ví dụ như quả trứng trên bát cơm trong đám ma...). Về con số 7 (bảy con rồng, bảy cây gạo, bảy quả trứng), theo văn hóa Ấn Độ, số 7 là số nhiều và là một linh số. Việc sử dụng con số này trong đời sống tâm linh của người Nhật Tân có thể là kết quả của một sự ảnh hưởng qua lại với người Chăm tù binh do nhà Lý cho lập làng ở vùng này (người Chăm là một trong các tộc người ở Đông-Nam Á chịu ảnh

hưởng trực tiếp của văn hóa Ấn Độ).

- Về thời gian thả trứng: vào thời điểm đổi ngày, tức là giờ Tý (giờ chuyển tiếp từ ngày nọ sang ngày kia). Người xưa coi đây là giờ thiêng, giờ của sự gây mầm cho quá trình sinh sôi nảy nở. Đồng thời giờ này lại nằm trong không gian và thời gian của lễ hội nên được thần linh chứng giám.

- Về người "phóng noãn"/thả trứng: việc mở hội đình Nhật Tân đã bị gián đoạn trong một thời gian rất dài, từ năm 1945 cho đến tận năm 2000 mới được khôi phục, nên chúng tôi cho rằng trí nhớ của dân gian về diễn biến của lễ hội cũng như những chi tiết, lễ thức trong hội sẽ khó mà giữ được sự chính xác tuyệt đối. Hiện



Quạt vả trừ tà, đồng, đồ rước của di tích-Ảnh: C.T.V

nay, người thả trứng là một phụ nữ đã cao tuổi (bà đồng), nhưng dân làng cho biết rằng trước đây một người đàn ông đảm trách công việc này. Theo quan sát của chúng tôi, việc thờ phụng Thành hoàng làng tại đình là công việc của đàn ông, truyền thống này không mấy khi bị phá bỏ, cho dù bây giờ phụ nữ cũng đã được ra đình, nhưng chỉ là phụ giúp cho nam giới chứ không phải để thay thế nam giới hoàn toàn, và đối với đình Nhật Tân cũng không là ngoại lệ. Do vậy, một cảm quan văn hóa đã khiến chúng tôi đặt ra một giả thiết là, phải chăng trước đây, việc này cũng nằm trong tay nữ giới (vì nam giới không có noãn để thả). Trong nhiều nghiên cứu của mình, GS. Từ Chi đã chỉ ra vai trò của người phụ nữ (như người Mãng Ư ở Tây Bắc Việt Nam) trong việc thực hiện rất nhiều lễ thức, mà trong đó điển hình là trước khi bước vào vụ gặt, người phụ nữ chủ gia đình phải ăn chay 3 ngày, đồng thời cũng phải giữ im lặng trong thời gian đó. Đến ngày đi gặt, bà phải tắm rửa sạch sẽ rồi mặc một bộ quần áo đen, sau đó mang hòn đá "hôn thần" treo trên gác bếp ra ruộng lúa. Đến nơi, bà lên lều hú gọi thần lúa nhập vào viên đá rồi mới bắt đầu xuống gặt từ chân lều theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, khi gặt được 9 dạ lúa, bà đặt tất cả lên một chiếc nia và chặn hòn đá lên trên, rồi bà hú gọi thần lúa về để cầu xin những điều tốt lành (bài khấn này luôn chỉ được truyền cho con gái). Sau nghi lễ đó, mọi người mới được gặt lúa. GS. Từ Chi cho rằng, người phụ nữ trong trang phục màu sẫm (đen, nâu) gợi nhớ đến màu của đất đai, bà im lìm để đồng nhất với sự im lìm của đất, bằng sự trong sáng (ăn chay) bà như một hiện thân của mẹ đất để thực hiện nghi lễ... Soi vào lễ phóng noãn, chúng tôi nhận thấy có một sự tương đồng nhất định trong cách thức tiến hành, như trước khi làm lễ bà đồng cũng phải ăn chay ít nhất trong 3 ngày, trang phục hành lễ của bà có màu nâu... Phải chăng vai trò của bà cũng tương tự như bà mẹ trong lễ gặt lúa, ít nhiều mang bóng dáng đồng nhất với bà mẹ đất, nhưng do thời gian trôi qua đã lâu nên sự im lặng của bà không còn được giữ lại, cũng có thể nó đã bị lãng quên, hoặc cũng có thể do ở thời hiện tại, tục lệ ấy như bị gán cho yếu tố mê

tín dị đoan ?

- Về vị trí thả trứng: đó là một địa điểm nhất định ở ngã ba dòng chảy, người dân ngày nay cho rằng, đó là nơi nước trong nhất, nhưng theo quan niệm của giới folklore học thế giới, ngã ba sông/dòng chảy ở bất cứ vùng đất nào cũng là nơi "giao phối" của các dòng sông, nên ngã ba sông thường được đồng nhất với ngã ba sinh sôi nảy nở. Từ đó gọi cho chúng tôi một giả thiết làm việc: Việc bà đồng mang trứng tới thả ở đúng đoạn "hầu gà" trên dòng sông như trong hình ảnh một bà mẹ đang thực hiện thiên chức thiêng liêng của mình, gọi cho chúng ta về mối liên quan giữa bà mẹ ấy với thủy thần, hay ít ra thì chúng ta cũng nhìn thấy ở đây bóng dáng của vợ ông thần rắn (rắn thì đẻ trứng). Những quả trứng/noãn sau khi được "phóng" sẽ tạo nên sự sinh sôi phát triển cho dòng nước, làm cho nước ở chính địa điểm này trở nên thiêng liêng, để cho ngày hôm sau, lễ cấp thủy phải được thực hiện ở đây, người ta phải "xin" nước này mang về thờ thì vận mệnh của dân làng trong một chu kỳ sản xuất mới mới được đảm bảo: mùa màng bội thu, làm ăn phát đạt... Cuộc "hôn phối" này lại được các vị Thành hoàng làng Nhật Tân chứng giám nên đối với người dân lại càng linh ứng: theo lời bà đồng và những người trong đoàn phóng noãn, thì sau khi bà đồng đã thả hết 7 quả trứng xuống sông, bao giờ đức thánh Uy Linh Lang và 6 người em cũng hiện lên trong hình hài của 7 ông rắn, làm xao động cả một vùng sông nước quanh thuyền.

Lễ phóng noãn là một lễ thức quan trọng trong lễ hội đình Nhật Tân, nó mang chứa trong mình những giá trị văn hóa tín ngưỡng đặc sắc của cư dân Việt ở một vùng đất ven sông Hồng, nên nếu tiếp tục đi sâu nghiên cứu chắc chắn chúng ta sẽ có thêm được nhiều nhận thức thú vị về lịch sử và văn hóa của đất và người nơi đây./

V.T.H.L

Chú thích:

- 1- Ủy ban Nhân dân quận Tây Hồ, *Danh tích Tây Hồ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, tr.120-121.
- 2- Ủy ban Nhân dân quận Tây Hồ, *sđd*, tr.121-125.